

Số: 1027/2022/QĐST - HNGĐ

Đông Đa, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1146/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị N T X**, sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: Xóm 14, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH Tuệ An Laws, số nhà A9, khu X1, ngõ 73 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- **Anh L V C**, sinh năm: 1989; Hộ khẩu thường trú: Xóm 14, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N T X và anh L V C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2011.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh P đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, tình trạng căng thẳng thường xuyên kéo dài. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh P. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay.

Chị X và anh C khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị X và anh C có 03 con chung là: L T L (nam), sinh ngày: 08/3/2011; L T L (nữ), sinh ngày 01/02/2014 và H Đ P, sinh ngày 15/7/2019 (cháu P

chưa có Giấy khai sinh dự định đặt tên theo Giấy chứng sinh số 31 Quyển số 15/18 ngày 15/7/2019 là H Đ P). Ly hôn, anh chị thỏa thuận: anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu L và L; chị X cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L và cháu L là: 1.200.000 đồng/tháng (600.000 đồng/tháng/đối với mỗi cháu). Chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu P.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị X và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị X và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị X và anh C thống nhất để chị X chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N T X và anh L V C;

- **Về con chung:** Chị X và anh C có 03 con chung là: L T L (nam), sinh ngày: 08/3/2011; L T L (nữ), sinh ngày 01/02/2014 và H Đ P, sinh ngày 15/7/2019 (cháu P chưa có Giấy khai sinh dự định đặt tên theo Giấy chứng sinh số 31 Quyển số 15/18 ngày 15/7/2019 là H Đ P). Giao cháu L và cháu L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; Chị X cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L và cháu L là: 1.200.000 đồng/tháng (600.000 đồng/tháng/đối với mỗi cháu). Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi cháu L, cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Giao cháu P cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi chị X có yêu cầu hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế;

Chị X và anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị X và anh C không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- **Về nợ:** Chị X và anh C không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị X và anh C để chị X chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị X đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0070937 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị X đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú